

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:03/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05- 02 - 2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Trúc Linh**

2. Bà **Nguyễn Thị Mến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc *tranh chấp ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:Chị **Trịnh Thúy H**, sinh năm 1989: có mặt

Địa chỉ: ấp S, xã Nh, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã Th, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn:Anh **Dương Phi L**, sinh năm 1985: vắng mặt

Địa chỉ: ấp S, xã Nh, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thúy H trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Dương Phi L có quan hệ vợ chồng, thành hôn năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 31/12/2014. Thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do anh L thường xuyên nhậu nhẹt, đánh chửi, không trách nhiệm với vợ con. Do vậy, nguyên đơn xin được ly hôn với bị đơn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Dương Phi Nh, sinh ngày 28/11/2013 hiện do chị H đang nuôi. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn Dương Phi L đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, bản sao hồ sơ khởi kiện nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại biên bản ngày 26 tháng 12 năm 2019, Bà Nguyễn Thị Ta, là mẹ ruột của anh Long trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh Long và chị H thành hôn trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Thời gian chung sống lúc đầu hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn do anh Long hay rượu chè về kiểm chuyện cự cãi với chị H và không lo chu đáo cho vợ con. Về con chung, cháu Dương Phi Nh, sinh năm 2013 hiện đang sống với chị H, cuộc sống vẫn đảm bảo.

Theo Trích lục kết hôn số 82/2014 ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện T, tỉnh Vĩnh Long thì chị Trịnh Thúy H và anh Dương Phi L là vợ chồng.

Theo Trích lục khai sinh số 262/TLKS-BS ngày 05/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã Nh, cháu Dương Phi Nh, sinh ngày 28/11/2013 là con chung của chị Trịnh Thúy H và anh Dương Phi L.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn và nuôi con chung với lý do anh Long không lo làm ăn, thường hay cờ bạc, rượu chè, bỏ mặc vợ con dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc nên vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay, đã được gia đình hàn gắn 03 lần nhưng không thành do anh Long không sửa đổi; trong thời gian Tòa án tạo điều kiện hòa giải, đoàn tụ nhưng anh Long không thay đổi, vẫn bỏ mặc vợ con.

Bị đơn là anh Dương Phi L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Vị Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng và đầy đủ, đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt để tham gia tố tụng là vi phạm Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Trịnh Thúy H được ly hôn với anh Dương Phi L.

- Về con chung: Giao cháu Dương Phi Nh, sinh ngày 28/11/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí, nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Dương Phi L vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trịnh Thúy H và anh Dương Phi L là vợ chồng đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo xác định của nguyên đơn và chứng cứ do Tòa án thu thập đều thể hiện giữa chị H và anh Long đã có mâu thuẫn kéo dài, được gia đình và Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Dương Phi L không có ý kiến phản đối việc giao con chung Dương Phi Nh, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Trịnh Thúy H tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện con chung đang sống với mẹ vẫn đảm bảo nên tiếp tục giao cháu Nh cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không có yêu cầu và cam kết nuôi con đảm bảo nên anh Long không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn và được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Với nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 227, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Trịnh Thúy H được ly hôn với anh Dương Phi L

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phi Nh, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Trịnh Thúy H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Phi L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thúy H có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn. Trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015684 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15(*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện T;
-THADS huyện T;
- UBND xã Nh;
(GCN kết hôn số 82/2014,
ngày 31/12/2014)
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Triệu Hữu